

LƯƠNG BỘ ĐẠI PHÁP TƯƠNG THỪA THẦY TRÒ PHÓ PHÁP KÝ

QUYỂN 2

LƯỢC THUẬT VỀ TRUYỀN ĐẠI TỖ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH, ĐẠI GIÁO TƯỚNG THỪA PHÓ PHÁP THỨ TỰ KÝ

(Tựa đề kinh tên là “Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì Kinh”. Tiếng Phạm gọi là “Ma-ha”, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Đại” “Tỳ-lô-giá-na”, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Quang Minh Biến Chiếu”, hoặc là “Đại Nhật Biến Chiếu”)

Nguyên chánh Phạm ngữ, nên nói là “Phệ-lô-tả-năng” (“Tỳ-lô-giá-na” là theo cổ dịch, y cứ theo trong “Kim Cang Đảnh Nghĩa Quyết” giải thích thì “Tỳ-lô-giá-na”, phiên dịch nghĩa là “Vô Biên Quảng Nhãn Tụ Như Lai”, “nhãn” nghĩa là “Trí”. Nói pháp thân Như Lai đây trí tuệ thiên nhãn vô biên ngàn mé. Phước đức trí tuệ, muôn đức tròn đầy, như Hư không giới lượng không ngần mé quá số lượng nên vậy). Hoặc nói: “Tỳ-lô-giá-na thành Phật kinh”. Tiếng Phạm gọi là “Phệ-lô-tả-năng-tam-mẫu-đê-bà-lệ-đa-tố-đắc-lãm” (Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Nhật biến chiếu tôn kinh”), kinh này nguyên Phạm giáp có ba bản. Quảng bản gồm mười vạn kệ tụng, nếu y theo Phạm bản phiên dịch đủ tất cả có thể có hơn ba trăm quyển. Kinh này chưa lưu truyền đến, Quảng bản hiện ở nước Tây vức chưa đến xứ này. Phạm kinh lược bản có bốn ngàn kệ tụng, lại có lược bản khác có hai ngàn năm trăm kệ tụng. Do Đại A-xà-lê ở nước Trung Thiên trúc biên tập, lưu truyền hiện này gồm có bốn ngàn kệ tụng. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719) thời Tiền Đường, Sa-môn Thích Tử Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy vâng phụng sắc chiếu phiên dịch, Sa-môn Nhất Hạnh bút thọ”, tức là kinh “Đại Tỳ-lô-giá-na Thành Phật Thần Biến Gia Trì” đó vậy. Nói kinh này là do Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai hiện sức thần thông bố thí gia trì

vậy. Y cứ theo Phạm bản, phiên dịch thành sáu quyển, lại tổng tập một bộ giáo trì niệms thứ đệ, thành bảy quyển, cộng thành một bộ.

Bấy giờ, Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai ở tại cung Kim cang pháp giới, cùng với Phổ Hiền v.v... các Đại Bồ-tát, mười cõi Phật số vi trần Kim cang ngữ bí mật chủ v.v... mười cõi Phật số vi trần các chấp Kim cang Hộ đời chủ trời v.v... số đó đông nhiều vô lượng không thể xưng kể, đều là do sự gia trì của Đức Tỳ-lô-giá-na Như Lai tự thọ dụng thân quảng hải đại pháp giới, kinh nói rõ Bồ-tát tu hạnh chân ngôn tu Vô thượng Bồ-đề tâm, siêu vượt một trăm sáu mươi thứ tâm vọng niệms, trú tâm Đại Bồ-đề, một niệms tương ứng vượt qua ba A-tăng-kỳ kiếp, lúc mới phát tâm, tức đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề tâm, kinh đây y cứ hai thứ tu hành. Tâm Bồ-đề làm nhân, đại bi làm căn, phương tiện làm cứu cánh, tiếp nói rõ về câu mười duyên sinh, có nghĩa là nói rõ Bồ-tát tu hạnh chân ngôn rõ biết các pháp như huyễn, theo duyên mà sinh. Lại y cứ theo Thắng Nghĩa Đế và Thế Tục Đế. Nếu y cứ theo Thắng Nghĩa Đế tu hành kiến lập pháp thân Mạn-trà-la, cho nên trong kinh nói trước tiên đánh Mạn-trà-la giữa hư không, cho nên pháp thân bản tôn xa lìa hình sắc giống như hư không, trụ Tam-ma-địa như vậy. Nếu y cứ theo thế tục đế tu hành, y cứ Tứ luân lấy làm Mạn-trà-la, Thánh giả Bản tôn, nếu sắc vàng thì trụ Địa luân Mạn-trà-la (hình vuông, tên là kim luân), Thánh giả nếu sắc trắng thì trụ Thủy luân Mạn-trà-la (hình tròn, tên là thủy luân). Thánh giả nếu sắc đỏ thì trụ Hỏa luân Mạn-trà-la (Hình tam giác). Thánh giả nếu sắc xanh hoặc sắc đen thì trụ phong luân Mạn-trà-la (hình như bán nguyệt). Đại Mạn-trà-la an đặt nơi đài sen tám cánh, năm Đức Phật, bốn vị Bồ-tát an đặt trong cánh đài. Ngoài Mạn-trà-la lại có ba thứ Mạn-trà-la, đó là: 01. Hết thủy Như Lai Mạn-trà-la; 02. Thích-ca Mâu-ni Mạn-trà-la; 03. Văn-thù-sư-lợi Mạn-trà-la, gọi tên chung là Đại Bi Thai Tạng Mạn-trà-la. Đệ tử thọ pháp Quán đảnh thiếu Mạn-trà-la rất nhỏ niệms ủy khúc, chỗ các bộ khác chẳng thay thế. Trong đây, tu hạnh cúng dường gồm có hai thứ, đó là sự và lý vậy. Trong kinh nói có một trăm hai mươi lăm thứ lò Hộ ma, lửa trời Hộ ma có bốn mươi bốn thứ, tựu trung có mười hai thứ lửa làm ưu thắng. Trong đó, cực diệu có năm thứ lửa trí, làm đầu là hình lò đến cây gỗ có quả sữa khổ luyện, chỗ dùng chẳng đồng, Đông Tây Nam Bắc mong nguyện nổi khác, trong ngoài Hộ ma cũng y cứ theo ngũ luân, cầu bốn thứ sự mau chóng thành tựu Dứt trai, Tăng ích, Hàng phục, Kính ái, đó gọi là lửa trời, mỗi mỗi chẳng đồng, lặng yên, sáng suốt, tức giận, mừng vui lần lượt ứng trí. Khổ y theo Quảng giáo về Hành tướng có lắm

nhiều. Nay tạm lược thuật phần ít ý thú ở trong “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại giáo vương kinh” vậy.

Tiếp theo nói về từ trước thầy trò tương thừa, thứ lớp truyền pháp. Chỉ vì Hải Vân tôi lo sợ thầy trò truyền trì Đại Giáo tiếp nối Đại pháp lắng chìm nhiều năm bị phế bỏ quên mất vậy.

Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy nói: “Pháp này từ Đức Phật Tỳ-lô-giá-na giao phó cho Bồ-tát Kim Cang Thủ, qua vài trăm năm sau, Bồ-tát trao cho A-xà-lê Đạt-ma-cúc-đa ở chùa Na-lan-đà tại xứ Trung Ấn Độ. Tiếp đến A-xà-lê Đạt-ma-cúc-đa truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư vốn chủng tộc Thích-ca -Thiện Vô Úy ở nước xứ Trung Ấn Độ (tiếng Phạm gọi là “Luân-bà-ca-la Tăng ha”, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là “Thiện Vô Úy”). Tam Tạng học hết, ngũ nghịch thông rành, với các thứ nghề nghiệp ở năm xứ Thiên Trúc, không gì chẳng có khả năng hoàn bị, là cháu đời thứ năm mươi hai của vua Học Phạn, xả bỏ tiếp nối ngôi vua, xuất gia vào đạo. Năm Khai Nguyên thứ bảy (719) thời Tiền Đường, từ Tây vức, đem các kinh Đại Tỳ-lô-giá-na v.v... bằng Phạm bản đến Trung Hoa, Hoàng Đế Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) kính lễ thỉnh mời Quốc sư. Theo giá vào ở hai kinh, phiên dịch các kinh Đại Tỳ-lô-giá-na v.v... làm Đại Tỳ-lô-giá-na Mạn-trà-la quán đảnh đại A-xà-lê. Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy lại đem “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương Kinh” này truyền trao cho thật tướng Pháp sư Kim Cang Trí người nước xứ Nam Thiên Trúc. Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí lại đem Kim Cang Giới Đại Giáo Vương truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy, hỗ tương cùng làm A-xà-lê cho nhau, bèn cùng truyền trao. Thật tướng Pháp sư Kim Cang Trí (tiếng Phạm gọi là Phược-viết-la-cát-nương-năng, tiếng Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Kim Cang Trí), rất khéo giỏi các pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, hiểu thông luận Thanh Minh, ở trong Nhất thiết hữu bộ, xuất gia tại nước xứ Nam Thiên Trúc, vốn con của vua nước đó, cũng xả bỏ ngôi vị Đế vương mà xuất gia, vân du đến nước Chấn Đán (Trung Hoa), thệ nguyện hoàng truyền Thánh giáo, Hoàng đế Huyền Tông cũng lễ kính thỉnh mời làm Quốc sư, theo giá vào ở hai kinh, phiên dịch các kinh “Kim Cang Đảnh Đại Giáo Vương” v.v... làm Kim Cang giới Mạn-trà-la Quán đảnh A-xà-lê. Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí lại đem “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương Kinh”. Truyền trao cho Tam Tạng Pháp sư A-xà-lê Bất Không Trí ở chùa Đại hưng thiện (tiếng Phạm là A-mục-khư-cát-nương-na, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là Bất Không Trí). Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Bất Không Trí chứa nhóm ngũ bộ Bí ý, nhập tâm biển tánh của Phổ

Hiền, Trú Du già thì chóng vào Phật thừa, diễn nói chân ngôn, thì Thiên ma đều nát toái. Làm quán sát cả ba triều, từ vua Huyền Tông (Lý Long Cơ 712-756) vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763) đến vua Đại Tông (Lý Dự 763-780) thời Tiên Đường thấy đều cúi đầu kính lễ, tỏ tâm trân quý kính ngưỡng như Phật, Hoàng đế Đại Tông thỉnh cầu làm Đại A-xà-lê tác pháp quán đảnh, hoằng truyền Đại giáo hơn bốn mươi năm, phiên dịch kinh luận có hơn trăm bộ.

Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư (Bất Không Trí) ở chùa Đại hưng thiện theo Đại Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư Kim Cang Trí được truyền trao pháp Kim Cang Giới, thế rồi lại sợ Đại pháp chưa tròn đầy, nên tự đến nước xứ Nam Thiên trúc, thân gần kính lễ Trưởng lão A-xà-lê Phổ Hiền, lại thưa hỏi cầu thọ Ngũ bộ Kim cang giới có cả trăm ngàn bài kệ tụng, đem được kinh mười vạn kệ tụng, nên hai bản Đại giáo vương tối thắng bí mật sâu xa này, người kham nhận truyền trao hiếm ít, nên trải qua vài trăm năm mới truyền được một người. Từ khi Phật pháp lưu truyền đến Thần châu -Trung Hoa qua thời gian dài hơn ngàn năm, mà giáo môn Trì niệm tâm địa lưu hành không qua hai bản Đại giáo vương (tức là “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” và “Kim Cang Giới Đại Giáo Vương” vậy), tổng nhiếp tất cả các giáo môn trì niệm.

Tiếp nữa, có “Tô-tát-địa (Trung Hoa dịch nghĩa là Diệu thành tựu) giáo” rộng nói về ba bộ, cũng nhiếp thuộc pháp luận trì niệm. Trong đó chỉ nói rõ sự thành tựu cùng với Kim cang giới và Đại Tỳ-lô-giá-na, nghĩa vị tương quan lẫn nhau. Đó cũng là pháp yếu diệu rất cùng cực. Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy phiên dịch gồm cả hai bộ Đại giáo trước và Tô-tát-địa, cộng thành ba bộ Đại giáo, Hòa thượng Tam Tạng Pháp sư (Bất Không Trí) ở chùa Đại hưng thiện lại pháp đường lưu truyền. Bấy giờ, Tam Tạng Pháp sư Thiện Vô Úy lại đem “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” này truyền trao cho Sa-môn Nhất Hạnh ở chùa Đại hưng thiện, và Sa-môn Huyền Siêu người nước Tân La ở chùa Bảo thọ. Sa-môn Nhất Hạnh đã được Đại giáo rồi, bèn tạo thuật “Đại Tỳ-lô-giá-na Nghĩa Thích” bảy quyển (hoặc phân làm mười bốn quyển), lược dịch hai quyển “Đại Tỳ-lô-giá-na Hình Tượng Đồ Dạng Đàn Nghi” một quyển. “Tiêu Xí Đàn Nghi Pháp” một quyển. “Khế Ấn Pháp” một quyển, “Kim Cang Đảnh Kinh Nghĩa Quyết” ba quyển (quyển Thượng hiện có bản, hai quyển trung, hạ khuyết mất bản). Hòa thượng Nhất Hạnh ở chùa Đại hưng thiện thông rành chiêm đoán thiên văn, học thông nội ngoại. Các kinh sử bằng Hoa ngôn Phạm ngữ không gì chẳng thông rành, thường cùng Hoàng đế Huyền Tông theo nhau đi

đứng ngồi nằm luận bàn việc nước và dự việc phiên dịch kinh, chẳng rảnh để truyền pháp. Tiếp đến, Sa-môn A-xà-lê Huyền Siêu lại đem “Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” và “Tô-tát-địa Giáo” truyền trao cho A-xà-lê Huệ Quả ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long. A-xà-lê lại truyền trao cho Sa-môn Duy Thượng (còn gọi là Duy Minh) ở phủ Thành đô, Sa-môn Biện Hoằng ở Biện châu, Sa-môn Tuệ Nhật, Sa-môn Ngộ Chân ở nước Tân La, Sa-môn Không Hải ở nước Nhật Bản, Sa-môn Nghĩa Mãn, Sa-môn Nghĩa Minh, Sa-môn Nghĩa Chứng, Sa-môn Nghĩa Chiếu, Sa-môn Nghĩa Tháo, Sa-môn Nghĩa Mãn, Sa-môn Pháp Nhuận ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long (số được phú pháp truyền ngôi vị A-xà-lê có cả thầy mười hai người), trong đó hoặc có vị ở tại Kinh đô truyền trì, hoặc có vị ra phương ngoài hoằng truyền giáo hóa. Tiếp theo, A-xà-lê nghĩa tháo viện Đông tháp tại chùa Thanh long truyền trao cho Đồng học là Sa-môn Nghĩa Chân, Sa-môn Thâm Đạt ở viện Đông tháp tại chùa Thanh long, đệ tử Hải Vân ở chùa Tịnh trụ, Sa-môn Đại Ngộ ở chùa Sùng phước, Sa-môn Văn Uyển ở chùa Lễ truyền (năm vị này đều truyền giáo) truyền lần lượt ngôi vị A-xà-lê. Tiếp theo, A-xà-lê Pháp Nhuận ở viện Đông tháp lại truyền trao cho Sa-môn Đạo Thăng ở chùa Tịnh pháp, Sa-môn Pháp Toàn, Sa-môn Duy Cẩn ở chùa Huyền pháp.

“Đại Tỳ-lô-giá-na Đại Giáo Vương” này còn có tên gọi là “Đại Bi Thai Tạng Tỳ-lô-giá-na”, từ căn bản đại bi của Đức Như Lai phát sinh tâm Đại Bồ-đề, từ tâm Đại Bồ-đề thành Hạnh Bồ-đề, tiếp chứng Đại Bồ-đề và Bát Niết-bàn, đều từ thân đầy đủ phương tiện thành tựu năm trí tức là trưởng ác tự môn, nên kinh nói phương tiện là cứu cánh, hay thành các Phật sự, như Chuyển luân Thánh vương sắp muốn thọ sinh, gá vào bụng mẹ Thánh hậu, phải biết Thánh vương không lâu sẽ ra đời vậy. Người tu Du già, phát tâm Bồ-đề, trú quán chữ A “?”, quán pháp bất sinh tức là trú Tỳ-lô-giá-na thai tạng. Như “Đại Thừa Nhân Vương Bát-nhã” ở Hiển giáo nói: “Phục nhữn Thánh thai ba mươi người, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hương đây gọi là ba mươi tâm trước sơ địa, gọi là Trụ Thánh thai”. Đó là ước về Bồ-tát tu hành trước sơ địa tiệm ngộ theo Hiển giáo, trải qua một Đại A-tăng-kỳ kiếp, mới gọi là Bồ-tát Trụ Thánh Thai, còn gọi là ngoại phàm. Bồ-tát tu hạnh chân ngôn thì không như vậy, chỉ trong khoảng một niệm đầy đủ thân năm trí, trụ ngôi vị Phật Đại Tỳ-lô-giá-na, rỗng rang đồng với pháp giới làm Mạn-trà-la thể mới trụ tâm, lúc ấy gọi là vào Thánh thai, quán đến cứu cánh gọi là thành ngôi vị Phật. Đó gọi là siêu vượt ba A-tăng-kỳ

kiếp mà chứng Bồ-đề.

Trên đây, nói rõ đầy đủ ý Thại tạng giáo, kính cẩn y theo Hiển giáo và Mật giáo lược thuật nguyên do, Ý giáo sâu rộng khó cùng đến đáy. Chỉ bởi Hải Vân tôi nhục đội ân Phật, được gặp Thánh giáo, thân gần tiếp thừa pháp nhãn. Hoàng truyền Đại Tỳ-lô-giá-na, Tô-tất-địa, từ trước đến nay đã tám đời, thô thuật về Tông chỉ tùy theo chỗ thấy nghe, lược ghi thứ tự, kính cùng các bậc Trí giả mong xin chỉ bày. Cúi đầu kính lễ hết thấy chư Phật ba đời, Phổ Hiền bí mật trì Kim cang, hồi hướng tán thán diển giải này tạo phước cho quần sinh, đều nguyện đồng sinh về cõi nước An lạc.

Thời Tiền Đường, năm Thái Hòa thứ tám, ngày mồng 04 tháng 10 năm Giáp dần (834).

Chùa Tịnh trụ, truyền giáo Sa-môn Hải Vân biên tập.

Ngày 28 tháng 03 năm Khoan Hỷ thứ nhất, phụng biên tả xong.

Kim cang Phật tử.

Tế Biện giao xong. Sách này có vài ba bản khác vậ.

Ngày 30 tháng 11 năm Vĩnh Nhân thứ năm, đem kiện bản ngự thư biên tả kiểm hiệu xong thì là kinh sợ Tiên sư ngự danh, lẩn vượt tuyết lạnh quên cả gió rét biên tả xong. Từ Tâm Biên ghi đó.

Năm Khương An thứ nhất ngày 30 tháng 03, Diên văn lục cải đổi đó. Ngày mồng 07 tháng 04, đến viện Quán trí ở chùa Đông, đem bản sách do từ tâm biên tả xong chỉ sai nhầm chữ nhiều nhiều, có thể chỉnh sửa đó, Kim Cang, Tư Hiền, Bảo Sinh v.v... cả thấy hai mươi chín đồng chung mười ngày biên tả bản và kiểm hiệu hợp xong. Văn ký này thật sự có các bản khác, như bản của Viên Nhân, Viên Tải, Viên Trân, Tông Duệ, Biện Chiếu v.v... biên ghi tuy có ngay bản triều. Riêng bản này không biên ghi, sợ là cỗi rễ ư? Văn ký này đã soạn tập từ năm Thái Hòa thứ tám (834) thời Tiền Đường, sau đó đưa vào Đường học pháp. Từ niên hiệu Thái Hòa trở về sau, Sương sao hơi cách biệt, sao có thể biên ghi danh tự kia ư? Vì biết chỗ người sau đặt để nên biên tả lưu lại bản này vậ.

